

Số: 18/2023/QĐST - HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Tô Thị N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm P, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm P, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 143, 144, 146, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015.

Căn cứ điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 2 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Tô Thị N và anh Trần Văn P.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Tô Thị N và anh Trần Văn P thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau.

2.2. Về con chung: Anh Trần Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung tên Trần Khánh Linh sinh ngày 19/12/2012; Trần Khánh Thy, sinh ngày 28/7/2015 đến khi các con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Ngà có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tô Thị N tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000 đồng/1 con/ tháng (hai con là 3.000.000đ/tháng), thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 2/2023 đến khi các con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, anh Phong có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Ngà không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng chị Ngà còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị N tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm ngàn đồng) tiền án phí LHST và 150.000 đồng án phí DSST (cấp dưỡng nuôi con chung) vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003089 ngày 10/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAT TN;
- VKS ND H. Phú Bình;
- Chi cục THADS H.Phú Bình;
- UBND xã L;
- Các Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Minh Huệ